TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2023/DS-PT
Ngày 06/7/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về nợ vay

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền.

Bà Trần Thị Trâm Anh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2023/TLPT-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về nợ vay*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 129/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1985; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Lệ T1, sinh năm 1970; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Lệ T1: Luật sư Phạm Anh V - Văn phòng Luật sư Phạm Anh V, địa chỉ: Số C T, khu phố D, phường V, Tp ., tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Lệ T1 - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2022 và các lời khai tại toà án cấp sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: giữa chị với bà Nguyễn Lệ T1 có quan hệ là cô cháu ruột, ngày 16/9/2011 chị có cho bà T1 vay số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay 05 năm, lãi suất 02%/tháng, đồng thời bà T1 còn cam

kết trong giấy nợ nếu không có khả năng trả nợ bà sẽ đổi 10 công đất tại ấp R, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang của gia đình bà để thanh toán nợ cho chị T, giấy nợ do bà T1 tự viết và ký, khi giao tiền phía bà T1 trả cho T 5.000.000đ còn nợ 145.000.000đ. Tuy nhiên bà T1 không thực hiện như đã viết trong giấy nợ bà không thực hiện đóng lãi và hết thời hạn 05 năm bà không trả nợ và cũng không giao đất như đã cam kết, do có mối quan hệ họ hàng nên chị không làm khó mà để bà từ từ trả nợ. đến nay được biết bà T1 đã bán đất nhưng cũng không thanh toán nợ cho chị mặc dù chị đã nhiều lần nhắc và có khởi kiện đến ấp H giải quyết nhưng tại lần hòa giải ở ấp H bà T1 không đến tham gia giải quyết, nay chị yêu cầu Tòa án buộc bà T1 trả số tiền 145.000.000đ và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Lệ T1 trình bày: Giữa bà với chị T có quan hệ là cô cháu ruột, thời gian qua bà có nhận được thông báo của Tòa án nhân dân huyện kiên L về việc chị Nguyễn Thị Cẩm T khởi kiện bà số tiền nợ 527.800.000đ (trong đó nợ gốc là 150.000.000đ, nợ lãi từ ngày 16/9/2011 đến nay là 382.800.000đ. Bà xin trình bày nội dung sự việc vay mượn giữa bà với chị T như sau:

Thật ra sự việc vào năm 2011 bà gặp khó khăn trong việc làm ăn nên có về nhờ ba của bà Nguyễn Văn T2 (là ông nội của T) giúp đỡ, ba của bà ủy quyền cho ông Nguyễn Minh H (là ba của T) đứng ra thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay ngân hàng số tiền 200.000.000đ, cho bà vay 140.000.000đ cho T vay 60.000.000đ và ông H yêu cầu bà phải viết giấy nợ với T vì hàng tháng bà sẽ gửi tiền lãi cho T để T đóng lãi cho ngân hàng.

Về giấy nợ: đầu tiên bà có viết giấy nợ cho T là nợ số tiền 150.000.000đ sau đó bỏ đi do viết sai số tiền nợ và sai năm nên viết lại giấy khác là nợ 140.000.000đ. Thời gian ông H khởi kiện bà tại ấp H, xã B bà có lo tiền trả cho ông H xong hết số tiền 150.000.000đ và hủy bỏ giấy nợ, nghĩa là bà đã trả hết nợ không còn nợ ông H hay chị T nữa.

Đối với giấy nợ mà chị T khởi kiện tại tòa án về số tiền 145.000.000đ có chữ ký của bà thật ra là tờ giấy trước đây do viết sai số tiền và sai năm nên bỏ đi không phải là biên nhận nợ chính.

Nay T khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 145.000.000đ bà không đồng ý vì bà không có nợ.

**** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:***

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T về số tiền lãi. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T về số tiền nợ gốc.

Xử buộc bà Nguyễn Lệ T1 có nghĩa vụ trả số tiền 145.000.000đ cho bà Nguyễn Thị Cẩm T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Đơn kháng cáo ngày 07/4/2023 bị đơn bà Nguyễn Lệ T1 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 28/3/20232 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang theo hướng bác toàn bộ đơn khởi kiện của Nguyễn Thị Cẩm T về việc buộc tôi trả số tiền 145.000.000đ.

Tại phiên Tòa phúc thẩm hôm nay:

Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, không đồng ý nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Luật sư V tranh luận cho rằng bị đơn viết sai số tiền nợ vay là 140.000.000 đồng nhưng ghi nhầm là 150.000.000 đồng và có sai số năm 20011, nên đã viết lại giấy nợ khác và đã trả cho ông H là cha của T với chị T khi bị thưa ở ấp là có cơ sở vì giấy nhận nợ trong hồ sơ có sai số năm 20011, ngoài ra theo lời khai của các bên thì bị đơn cho rằng số tiền nợ này có liên quan đến chồng chị T và lúc cho chị T1 vay thì chị T1 cũng có chồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chồng các đương sự vào tham gia là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn; của Luật sư và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn chị T1, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy tay nhận nợ ngày 16/9/20011 thể hiện nội dung T1 có mượn của cháu Nguyễn Cẩm T với số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 2 %/tháng, thời hạn 5 năm, nếu không có khả năng trả nợ phải đưa cho Cẩm T 10 công đất trừ nợ (bút lục 35), về

phía chị T1 thừa nhận giấy tay do chị viết nhưng nại ra lý do giấy tay này là viết sai số tiền và sai năm nên bỏ qua một bên, chứ thực tế chị nhờ ông H là ba của T vay 140.000.000 đồng, sau đó, ông H thưa kiện ở ấp, bà đã trả cho ông H rồi chứ không nợ của T. nhưng phía ông H không thừa nhận sự việc này và không liên quan gì đến số nợ (bút lục 51), xét phía chị T1 thừa nhận có nhận của chị T số tiền 150.000.000 đồng và đã trả chị T 10.000.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, nhưng chị T chỉ thừa nhận có nhận số tiền 5.000.000 đồng ghi vào mặt sau tờ biên nhận cùng ngày, về phía chị T1 cũng thừa nhận việc mình có ghi số tiền trả 5.000.000 đồng vào mặt sau tờ nhận nợ. Như vậy, chị T1 và Luật sư cho rằng tờ nhận nợ viết do chị T1 viết sai và bỏ qua một bên phía chị T lấy để đòi nợ là không có cơ sở khách quan.

[2] Xét việc ghi sai số năm 2011 thành 20011 không là cơ sở pháp lý để cho rằng tờ nhận nợ này của chị T cung cấp không xem là chứng cứ đòi nợ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị T đòi chị T1 trả số tiền nợ vay gốc 145.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp quy định về chứng cứ và các tình tiết liên quan có trong hồ sơ, việc chị T1 kháng cáo và khai nại nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã trả số tiền nợ là không phù hợp khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên không có cơ sở chứng cứ để xem xét nội dung kháng cáo của chị T1.

Từ cơ sở nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận nội dung kháng cáo của chị T1 và quan điểm tranh luận của Luật sư V, chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm, phía chị T1 phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn Nguyễn Lệ T1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T về số tiền lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T về số tiền đòi nợ gốc.

3. Xử buộc chị Nguyễn Lệ T1 có nghĩa vụ trả số tiền vay 145.000.000đ (một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị Cẩm T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.250.000 đồng (bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Nguyên đơn chị T không phải chịu nộp tiền án phí. Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 12.556.000 đồng theo biên lai thu số 0009230 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị T1 phải chịu nộp 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị T1 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006979 ngày 07/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Kiên Lương;
- CCTHADS huyện Kiên Lương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Sơn